

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2025/HNGĐ-ST

Ngày 28 – 8 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Biện Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Thanh Bự

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *N đơn:* Chị Lâm Thị D, sinh năm: 1986 (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bào B, xã Lương Thế T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** N đơn chị Lâm Thị D trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Lâm Thị D và anh Huỳnh Thanh T chung sống vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Đ, huyện Thanh H, tỉnh Long A. Quá trình chung sống đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn do anh T không lo cho gia đình, uống rượu, cờ bạc. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hoà giải nhưng anh T không khắc phục. Chị D và anh T đã ly thân 3 từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh T.

- Về con chung: Huỳnh Lâm Bảo T1 (nữ), sinh ngày 10/10/2009 và Huỳnh Lâm Sỹ N (nam), sinh ngày 09/4/2016 đang do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị D yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

*** Bị đơn anh Huỳnh Thanh T:** Không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Huỳnh Thanh T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lâm Thị D và anh Huỳnh Thanh T kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thủy Đ, huyện Thanh H vào ngày 30/3/2009 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị D có yêu cầu ly hôn, anh T không có ý kiến. Do đó, cho thấy trong quá trình chung sống giữa anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại, nếu tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Xét thấy hai cháu Bảo T1 và Sỹ N đang do chị D nuôi dưỡng ổn định, các cháu đều có nguyện vọng sống cùng chị D. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Bảo T1 và Sỹ N cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Vấn đề cấp dưỡng: Chị D không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ: Chị D xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí tòa án;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị D, cho chị Lâm Thị D được ly hôn anh Huỳnh Thanh T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao các con chung Huỳnh Lâm Bảo T1 (nữ), sinh ngày 10/10/2009 và Huỳnh Lâm Sỹ N (nam), sinh ngày 09/4/2016 cho chị Lâm Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Huỳnh Thanh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lâm Thị D phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0011800 ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Cà Mau; chị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị D có quyền kháng cáo cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.
Anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT và THATAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 4 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân xã TT, tỉnh TN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Biện Thị Nhung

